

Số: 46/2026/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 10 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi
cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế,
chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành
Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số
cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 11837/TTr-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 145/BC-HĐND ngày 01 tháng 10 năm 2026
của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân
dân tỉnh tại Báo cáo số 414/BC-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2026 và ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về danh mục nhiệm
vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn
bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các nội dung sau đây:

1. Tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn
tỉnh Khánh Hòa gồm: nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định của
Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết
của Hội đồng nhân dân cấp xã và quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc được giao nhiệm vụ trong công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

1. Tổng mức chi trong xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

- a) Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh: 250.000.000 đồng/01 văn bản;
- b) Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: 100.000.000 đồng/01 văn bản;
- c) Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: 30.000.000 đồng/01 văn bản;

2. Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 16/11/2025 của Chính phủ.

3. Tổng mức chi và định mức khoán chi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và Điều 4 Nghị quyết này được áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng tổng mức chi và định mức khoán chi tương ứng cho từng nhiệm vụ, hoạt động như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3; bằng định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Điều 4 và Phụ lục I, II ban hành kèm theo Nghị quyết này;

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi, định mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3; bằng 60% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Điều 4 và Phụ lục I, II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng tổng mức chi bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3; bằng 30% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Điều 4 và Phụ lục I, II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

1. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo Phụ lục I, II kèm theo Nghị quyết này.

2. Trường hợp 01 nhiệm vụ, hoạt động hoặc từng hoạt động trong mỗi nhiệm vụ quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này đã được thực hiện và đã có sản phẩm hoàn thành thì được thanh, quyết toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ hoặc hoạt động đó. Sản phẩm hoàn thành và định mức khoán chi phải phù hợp với quy định tương ứng tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ định mức khoán chi quy định tại Điều 3 Nghị quyết này và tình hình thực tế để quyết định danh mục nhiệm vụ, hoạt động, định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan, đơn vị trực thuộc, cá nhân thực hiện bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, không vượt tổng mức khoán chi cho từng nhiệm vụ được quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị quyết này.

2. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ định mức khoán chi quy định tại Điều 3 Nghị quyết này và tình hình thực tế để quyết định danh mục nhiệm vụ, hoạt động, định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan, đơn vị trực thuộc, cá nhân thực hiện bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, không vượt tổng mức khoán chi cho từng nhiệm vụ được giao tại Điều 3, Điều 4 Nghị quyết này.

3. Giao Hội đồng nhân dân cấp xã căn cứ quy định tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ban hành Nghị quyết quy định tổng mức chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 10 năm 2026.

2. Các nội dung chi liên quan đến công tác thẩm tra, chi xây dựng hoàn thiện Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân các cấp được quy định tại Mục I, Mục VI Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 16/01/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định chế độ chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Các nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện từ ngày 01 tháng 5 năm 2026 thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này được áp dụng định mức khoán chi quy định tại Nghị quyết này. Việc thanh toán, quyết toán kinh phí được thực hiện trên cơ sở nhiệm vụ, hoạt động đã hoàn thành, có sản phẩm và hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VIII, nhiệm kỳ 2026 - 2031, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 15 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Trung tâm Công báo và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, AT, NBG.

CHỦ TỊCH



Lâm Đông

Phụ lục
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 46/2026/NQ-HĐND ngày 15/10/2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Phụ lục I

**DANH MỤC HOẠT ĐỘNG, NHIỆM VỤ VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI TRONG CÔNG
TÁC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA TỈNH**

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Mức khoán chi (Nghìn đồng)			Cơ quan lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	
A	NHIỆM VỤ SOẠN THẢO		117.000	67.000	22.000	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
1	Xây dựng báo cáo tổng kết thi hành pháp luật	Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật	7.000	4.000	-	
2	Xây dựng báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản	Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản	7.000	4.000	-	
3	Xây dựng Tờ trình	Tờ trình	14.000	7.000	4.000	
4	Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	42.000	28.000	8.000	
5	Xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo	4.000	-	-	
6	Xây dựng bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo	Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo văn bản	7.000	4.000	1.800	
7	Xây dựng bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện	Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp,	7.000	4.000	1.600	

	nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có)	thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có)				
8	Tổ chức họp tham gia ý kiến hoặc lấy ý kiến tham gia bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức khác ngoài cơ quan/đơn vị chủ trì soạn thảo. Trong đó lấy ý kiến của 04 cơ quan bắt buộc gồm Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ	Biên bản và danh sách tham gia họp hoặc văn bản tham gia ý kiến.	15.000	8.000	3.000	
a)	Cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động quyết định các hoạt động cụ thể để tổ chức lấy ý kiến xây dựng hồ sơ dự thảo văn bản QPPL	Giấy mời họp, Thông báo kết luận cuộc họp hoặc văn bản lấy ý kiến	3.000	1.600	600	
b)	Sở Tài chính có ý kiến về nguồn tài chính	Văn bản góp ý	3.000	1.600	600	
c)	Sở Nội vụ có ý kiến về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực	Văn bản góp ý	3.000	1.600	600	
d)	Sở Tư pháp có ý kiến về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật	Văn bản góp ý	3.000	1.600	600	
đ)	Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Văn bản góp ý	3.000	1.600	600	

9	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	4.200	3.000	1.800	
10	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	2.800	2.000	1.800	
11	Hoàn thiện hồ sơ sau khi có ý kiến thành viên UBND, Lãnh đạo UBND	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sau khi có ý kiến thành viên UBND, Lãnh đạo UBND	3.000	3.000	-	
12	Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm tra	Báo cáo giải trình	4.000	-	-	
B	NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH		33.000	22.000	7.000	Sở Tư pháp là cơ quan lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
13	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định				
a)	<i>Trường hợp Tổ chức họp thẩm định, lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản</i>		<i>30.000</i>	<i>20.000</i>	<i>6.200</i>	
	- Tổ chức họp Hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định (nếu có)	Chi thành viên tham dự họp, Biên bản cuộc họp.	5.000	5.000	1.000	
	- Ý kiến thẩm định bằng văn bản (Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức nếu có)	Chi văn bản ý kiến thẩm định	5.000	5.000	1.000	
	Ban hành Báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	20.000	10.000	4.200	
b)	<i>Trường hợp không Tổ chức họp thẩm định, lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản</i>	<i>Báo cáo thẩm định</i>	<i>30.000</i>	<i>20.000</i>	<i>6.200</i>	

14	Ý kiến đối với Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	Văn bản ý kiến	3.000	2.000	800	
C	NHIỆM VỤ TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ VÀ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN		15.000	11.000	1.000	Văn phòng UBND tỉnh là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
15	Rà soát hồ sơ dự thảo văn bản QPPL; tổ chức lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến thành viên UBND thông qua cuộc họp hoặc phiếu lấy ý kiến	Báo cáo/ Ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh đối với hồ sơ dự thảo	10.000	9.000	500	
16	Tổng hợp, trình Hồ sơ dự thảo sau khi đủ điều kiện theo quy định.	Báo cáo/Phiếu trình hồ sơ dự thảo.	5.000	2.000	500	
D	ĐĂNG KÝ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, LẬP DANH MỤC CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC GIAO; THẨM TRA, THÔNG QUA.		85.000			Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán

Phụ lục II
DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO
TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CẤP XÃ

A. NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ định mức khoản chi	Ghi chú
I	ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO NHIỆM VỤ SOẠN THẢO VĂN BẢN, THẨM ĐỊNH, TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH	70% tổng mức chi do Hội đồng nhân dân các phường, xã, đặc khu quyết định	
1	SOẠN THẢO VĂN BẢN	80% tổng định mức khoản chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
2	THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẢO	12% tổng định mức khoản chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã là đơn vị lập dự toán và thực hiện, thanh quyết toán
3	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH	8% tổng định mức khoản chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã là đơn vị lập dự toán và thực hiện, thanh quyết toán
II	THẨM TRA, THÔNG QUA	30% tổng mức chi do Hội đồng nhân dân các phường, xã, đặc khu quyết định	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã là đơn vị lập dự toán và thực hiện, thanh quyết toán

B. QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ định mức khoản chi	Ghi chú
I	SOẠN THẢO VĂN BẢN	80% tổng mức chi do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
II	THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẢO	12% tổng mức chi do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã là đơn vị lập dự toán và thực hiện, thanh quyết toán
III	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH	8% tổng mức chi do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã là đơn vị lập dự toán và thực hiện, thanh quyết toán